

NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH THỜI VỤ GIEO TRỒNG VỤ XUÂN GIỐNG NGÔ LAI LVN17 TRÊN ĐẤT RUỘNG BẠC THANG MỘT VỤ TỈNH YÊN BÁI

Nguyễn Văn Chinh¹, Lưu Ngọc Quyển¹

TÓM TẮT

LVN17 là giống ngô lai do Viện Nghiên cứu Ngô lai tạo. Để xây dựng biện pháp canh tác phù hợp cho giống LVN17 tại khu vực trung du miền núi phía Bắc nói chung và trên địa bàn tỉnh Yên Bái nói riêng, trong vụ Xuân 2017 và 2018 tiến hành thí nghiệm đánh giá ảnh hưởng của thời vụ gieo trồng khác nhau đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống LVN17 tại ba huyện Văn Chấn, Văn Yên và Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh (CRBD) với 5 công thức thời vụ, 3 lần nhắc lại. Kết quả cho thấy đã xác định được thời vụ 3 và 4 (gieo từ 10/2 đến 20/2) thời gian sinh trưởng của LVN17 ngắn, dao động từ 117 - 118 ngày, cây ngô sinh trưởng và phát triển tốt, có tỷ lệ sâu bệnh hại thấp (<10%) và cho năng suất thực thu cao (67,5 - 69,3 tạ/ha). Kiến nghị người dân khi gieo trồng giống LVN17 trong vụ Xuân nên gieo vào thời vụ 3 và 4 (gieo từ 10/2 đến 20/2) là phù hợp nhất.

Từ khóa: Cây ngô, giống ngô lai LVN17, thời vụ, đất một vụ

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Yên Bái là một trong mười bốn tỉnh trong vùng trung du miền núi phía Bắc (MNPB) của Việt Nam, nằm giữa 2 vùng Đông Bắc và Tây Bắc. Yên Bái vẫn là tỉnh nghèo, kinh tế vẫn chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp, 80% dân số vùng sinh sống ở nông thôn với gần 17% số hộ nghèo. Cùng với cây lúa, cây ngô là cây lương thực quan trọng nằm trong Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp & PTNT và Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh Yên Bái. Năm 2019, diện tích gieo trồng ngô cả tỉnh là 28.522 ha, năng suất trung bình đạt 34,19 tạ/ha, mức năng suất thấp nhất của cả nước (Niên giám thống kê tỉnh Yên Bái, 2019). Ngô được trồng chủ yếu trên nương rẫy, đất bãi bồi và một phần trên diện tích đất ruộng, ngô được trồng ở vụ Xuân và vụ Hè Thu, vụ Đông trên đất ruộng. Sản xuất ngô xuân trên đất ruộng bậc thang tại tỉnh Yên Bái đang gặp phải những khó khăn chính cần giải quyết: (1) Khô hạn đầu vụ, (2) lạnh đầu vụ, (3) khung thời vụ hợp lý để kịp thời vụ lúa mùa sau khi thu hoạch ngô xuân,... Những khó khăn trên hoàn toàn có thể giải quyết được bằng lựa chọn khung thời vụ hợp lý; kỹ thuật canh tác phù hợp,... Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trên, tiến hành nghiên cứu xác định thời vụ gieo trồng ngô xuân trên đất ruộng bậc thang một vụ tỉnh Yên Bái cho giống LVN17.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Giống ngô lai LVN17 là giống do Viện Nghiên cứu Ngô chọn tạo và hiện nay đang được trồng trên

nhiều diện tích tại địa phương (Nguyễn Văn Tuất và Nguyễn Văn Viêt, 2013).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Bố trí thí nghiệm

Thí nghiệm thời vụ được bố trí theo kiểu khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh (RCBD) với 3 lần nhắc lại, diện tích ô thí nghiệm là 14 m². Thí nghiệm được trồng với mật độ 5,7 vạn cây/ha, nền phân bón và các kỹ thuật khác được chăm sóc theo quy trình khảo nghiệm cây ngô (QCVN 01-56-2011-BNNPTNT). Các công thức thí nghiệm như sau: TV1: Gieo ngày 20/01; TV2: Gieo ngày 01/02 (đ/c); TV3: Gieo ngày 10/02; TV4: Gieo ngày 20/02; TV5: Gieo ngày 01/03.

2.2.2. Các chỉ tiêu theo dõi

Các chỉ tiêu theo dõi được thực hiện theo hướng dẫn của quy chuẩn khảo nghiệm giống ngô (QCVN 01-56:2011-BNNPTNT): Thời gian sinh trưởng; Các chỉ tiêu về chống chịu sâu bệnh hại; Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất.

2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được xử lý theo phương pháp thống kê sinh học bằng phần mềm IRRISTAT 5.0 và Excel.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thí nghiệm được tiến hành trong vụ Xuân năm 2017 và vụ Xuân năm 2018.

- Địa điểm thực hiện thí nghiệm: Tại 3 xã của 3 huyện, xã Chế Cu Nha - huyện Mù Cang Chải; xã Nậm Lành - huyện Văn Chấn; xã Nà Hẩu - huyện Văn Yên - tỉnh Yên Bái.

¹ Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thời gian sinh trưởng của giống LVN17 ở các thời điểm gieo khác nhau trong vụ Xuân năm 2017 - 2018

Trong vụ Xuân 2017, thời gian từ gieo đến mọc mầm của giống LVN17 từ 5 - 6 ngày, với tỷ lệ mọc dao động từ 75,8 - 84,2%, thời gian từ gieo đến trổ cờ từ 66 - 71 ngày. Vụ Xuân 2018, tỷ lệ mọc mầm từ 77,4 - 85,4%, thời gian từ gieo đến trổ cờ từ 67 - 70 ngày. Thời gian này có xu hướng rút ngắn theo thời vụ gieo muộn dần ở cả ba điểm nghiên cứu. Nguyên

nhân là do trong tháng 1 nhiệt độ trung bình thấp (14,4°C), thiếu ánh sáng và lượng mưa trung bình tương đối thấp (9,7 mm/tháng) làm cho quá trình sinh trưởng của cây ngô ở thời vụ gieo trước ngày 10/2 (TV3) phát triển chậm hơn các thời vụ gieo muộn (sau 20/1).

Cùng với xu hướng đó, thời gian từ gieo đến tung phấn, từ gieo đến phun râu của giống LVN17 trong các thời vụ gieo gieo sớm trước 10/2 (TV1, TV2) dài hơn thời vụ gieo muộn từ 3 - 5 ngày.

Bảng 1. Thời gian sinh trưởng của giống LVN17 ở các thời vụ gieo khác nhau trong vụ Xuân năm 2017 - 2018, tại Yên Bái

Thời vụ	Tỷ lệ mọc mầm		Thời gian từ gieo đến... (ngày)									
			Mọc mầm		Trổ cờ		Tung phấn		Phun râu		Chín sinh lý	
	X17	X18	X17	X18	X17	X18	X17	X18	X17	X18	X17	X18
TV1	75,8	77,4	6	6	71	70	74	74	76	76	120	120
TV2 (Đ/c)	77,9	79,5	6	6	69	70	72	73	75	75	118	119
TV3	84,2	85,4	5	6	66	67	69	70	71	72	114	117
TV4	81,5	82,2	6	5	67	68	70	70	72	72	114	118
TV5	80,0	80,9	5	5	67	68	70	70	73	72	116	118

Ghi chú: X17: vụ Xuân năm 2017; X18: vụ Xuân năm 2018; Bảng 1 - Bảng 4: Số liệu trung bình của 3 điểm thí nghiệm. TV1: Gieo ngày 20/01; TV2: Gieo ngày 01/02 (đ/c); TV3: Gieo ngày 10/02; TV4: Gieo ngày: 20/02; TV5: Gieo ngày 01/03.

Thời gian sinh trưởng của các thời vụ khác nhau dao động từ 114 - 120 ngày vụ Xuân 2017 và từ 117 - 120 ngày vụ Xuân 2018. Trong đó, thời vụ 1 (gieo 20/01) cho thời gian sinh trưởng dài nhất (120 ngày), thời vụ 3 (gieo 10/02) cho thời gian sinh trưởng ngắn nhất từ 114 - 117 ngày. Khi thời điểm gieo càng lùi về sau thì thời gian sinh trưởng của cây ngô càng rút ngắn hơn từ 3 - 6 ngày. Nguyên nhân là do trong tháng 1 nhiệt độ thấp, thiếu ánh sáng nên thời gian sinh trưởng của cây ngô kéo dài.

3.2. Mức độ nhiễm sâu bệnh hại của giống LVN17 ở các thời vụ gieo khác nhau trong vụ Xuân năm 2017 - 2018

Trong từng giai đoạn của quá trình sinh trưởng và phát triển của cây ngô đều xuất hiện các loại sâu bệnh khác nhau. Qua theo dõi cho thấy, trong vụ Xuân 2017 và 2018 ở các thời vụ khác nhau xuất hiện các sâu hại chủ yếu gồm sâu đục thân, sâu đục bắp và rệp cờ, các loại bệnh khô vằn và đốm lá. Kết quả cụ thể được trình bày ở bảng 2 và bảng 3.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Ở thời vụ gieo trồng khác nhau của cả ba điểm thí nghiệm sâu bệnh hại ở mức độ từ nhẹ đến vừa (< 25%).

Cụ thể: Trong năm 2017 và 2018, tỷ lệ cây bị sâu đục thân hại cao nhất mức điểm 3 (< 25%) ở thời vụ gieo vào các ngày 20/01 và 01/02 (TV1 và TV2 (đ/c) tại Mù Cang Chải. Riêng tại điểm Văn Yên, tỷ lệ nhiễm sâu đục thân hại mức vừa (điểm 3) ở cả thời vụ 1 (gieo 20/01) và thời vụ 3 (gieo 10/02). Trong các công thức thời vụ, thời vụ 3 và 4 (gieo 10/02 và 20/02) tỷ lệ nhiễm sâu đục thân hại cây ngô thấp nhất đạt mức điểm 1 (< 5%) tại 2 trên 3 điểm thí nghiệm trong năm 2017 và 2018.

Sâu đục bắp hại mạnh ở cả ba điểm nghiên cứu trong cả hai năm 2017 và 2018. Tại Văn Chấn và Văn Yên, tỷ lệ sâu đục bắp hại nặng (điểm 2-3) ở thời vụ 1, 2 và 3 (gieo 20/01, 01/02 và 10/02). Tại điểm Mù Cang Chải, thời vụ 1 và thời vụ 5 đều nhiễm sâu đục bắp điểm 3 trong cả hai năm 2017 và 2018. Trong năm 2017 tỷ lệ nhiễm sâu đục bắp nhiều hơn trong năm 2018, đặc biệt ở thời vụ 4 sâu đục bắp hại ở mức độ nhẹ điểm 1 - 2 trong vụ Xuân 2018 nhưng hại mức độ vừa điểm 2 - 3 trong năm 2017.

Tỷ lệ nhiễm rệp cờ xuất hiện lác đác (điểm 1 - 3) ở các thời vụ khác nhau trong cả năm 2017 và 2018, tuy nhiên tỷ lệ nhiễm nhẹ, ít ảnh hưởng đến năng suất ngô.

Bảng 2. Mức độ nhiễm sâu hại của giống LVN17 tại các thời vụ gieo khác nhau trong vụ Xuân 2017 - 2018, tại Yên Bái

Đơn vị: Điểm

Công thức	Sâu đục thân			Sâu đục bắp			Rệp cò		
	VC	VY	MCC	VC	VY	MCC	VC	VY	MCC
Năm 2017									
TV1	2	3	3	2	3	3	1	2	1
TV2 (Đ/c)	3	2	3	3	3	1	3	2	2
TV3	1	3	1	3	3	1	2	1	2
TV4	1	1	3	3	2	3	1	2	1
TV5	3	2	1	1	1	3	2	1	3
Năm 2018									
TV1	2	3	3	2	3	3	1	2	1
TV2 (Đ/c)	3	2	3	2	3	1	3	2	2
TV3	2	3	1	2	3	3	3	1	2
TV4	3	1	1	1	2	1	1	2	3
TV5	1	2	3	3	1	3	2	1	1

Ghi chú: VC: Văn Chấn; VY: Văn Yên; MCC: Mù Cang Chải.

Bảng 3. Mức độ nhiễm bệnh hại của giống LVN17 tại các thời vụ gieo khác nhau trong vụ Xuân 2017 và 2018, tại Yên Bái

Công thức	Khô vằn (%)			Đốm lá (điểm)		
	Văn Chấn	Văn Yên	Mù Cang Chải	Văn Chấn	Văn Yên	Mù Cang Chải
Năm 2017						
TV1	3,6	6,4	3,4	2	3	3
TV2 (Đ/c)	2,7	5,2	2,8	2	3	3
TV3	1,9	4,1	2,0	2	2	2
TV4	1,5	3,8	1,6	1	2	2
TV5	2,4	4,6	2,4	1	2	2
Năm 2018						
TV1	3,8	5,1	6,8	3	3	2
TV2 (Đ/c)	2,9	7,8	5,8	3	3	2
TV3	1,2	1,6	2,8	2	1	1
TV4	1,6	3,3	4,6	2	1	1
TV5	2,5	3,3	2,5	1	1	2

Qua theo dõi sâu bệnh hại trên cây ngô, có thể thấy rằng khi gieo ở các thời vụ sớm (TV1, TV2 và TV3) tỷ lệ nhiễm sâu bệnh hại nặng hơn thời vụ muộn (TV4 và TV5). Tuy nhiên, trong điều kiện thường xuyên kiểm tra phát hiện và phòng trừ sớm thì cây ngô nhiễm sâu bệnh ở mức thấp trong các thời vụ trồng khác nhau năm 2017 - 2018 tại ba điểm nghiên cứu.

Qua theo dõi cho thấy giống LVN17 bị nhiễm khô vằn ở mức nhẹ (< 10% diện tích cây bị bệnh) ở cả ba vùng sinh thái trong vụ Xuân năm 2017 và 2018.

Bệnh đốm lá: Tỷ lệ cây bị bệnh đốm lá của cây ngô ở các thời vụ gieo trồng khác nhau dao động từ điểm 1 đến điểm 3. Các thời vụ gieo sớm TV1 và TV2 (từ 20/01 - 01/02) tỷ lệ cây bị nhiễm bệnh đốm lá cao hơn so với thời vụ gieo muộn TV3, TV4 và TV5 (sau 20/02). Nguyên nhân là do khi cây ngô gieo sớm gặp nhiệt độ thấp, độ ẩm cao, ánh sáng yếu là điều kiện để bệnh đốm lá phát triển. Tuy nhiên, mức độ hại nằm trong khung đánh giá từ vừa đến nhẹ.

Qua theo dõi sâu bệnh hại trên cây ngô, có thể thấy rằng trong điều kiện thường xuyên kiểm tra phát hiện và phòng trừ sớm thì cây ngô nhiễm sâu bệnh ở mức thấp trong các thời vụ trồng khác nhau năm 2017 và 2018 tại ba điểm nghiên cứu.

3.3. Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của giống LVN17 ở các thời điểm gieo khác nhau trong vụ Xuân năm 2017 - 2018 tại Yên Bái

Số hàng/bấp: Các thời vụ trồng khác nhau (từ 20/01 - 01/3) có số hàng hạt/bấp ổn định từ 12,4 - 13,1 hàng/bấp và không tạo ra sự khác biệt về mặt thống kê.

Số hạt/hàng: Qua theo dõi trên giống ngô LVN17 cho thấy các thời vụ khác nhau cho số hạt/hàng khác nhau tại 3 điểm nghiên cứu trung bình dao động từ 30,7 - 39,1 hạt/hàng trong năm 2017 và 2018, các công thức thời vụ khác nhau cho số hạt/hàng là tương đương nhau, không có sự khác biệt ý nghĩa.

Khối lượng 1.000 hạt: Năm 2017, các thời vụ gieo khác nhau tạo ra khối lượng 1.000 hạt trung bình tại 3 điểm Văn Chấn, Văn Yên và Mù Cang Chải khác nhau, dao động trung bình từ 261,8 - 289,7 gam. Trong đó thời vụ gieo càng muộn khối lượng 1.000 hạt càng cao, nếu thời vụ 1 (gieo 20/1) cho khối lượng 1.000 hạt thấp nhất đạt 261,8 gam, thì cứ sau

10 ngày gieo khối lượng 1.000 hạt lại tăng thêm từ 4,0 - 27,9 gam và đạt cao nhất là ở thời vụ 5 (gieo ngày 1/3) đạt 289,7 gam. Vẫn theo xu hướng tăng như năm 2017, năm 2018 khối lượng 1.000 hạt của thời vụ 1 đạt thấp nhất 266,9 gam, thấp hơn các thời vụ khác từ 6,2 - 20,5 gam.

Bảng 4. Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của giống LVN17 trong vụ Xuân năm 2017 - 2018 tại Yên Bái

Thời vụ	Số hàng/bấp (hàng)		Số hạt/hàng (hạt)		Khối lượng 1.000 hạt (g)		Năng suất thực thu (tạ/ha)	
	Xuân 2017	Xuân 2018	Xuân 2017	Xuân 2018	Xuân 2017	Xuân 2018	Xuân 2017	Xuân 2018
TV1	12,9	12,9	38,5	35,1	261,8	266,9	51,0 ^b	51,5 ^b
TV2 (Đ/c)	12,9	13,1	38,8	36,2	265,8	273,1	54,0 ^b	54,6 ^b
TV3	12,4	12,9	39,1	36,5	289,7	283,6	68,3 ^a	67,7 ^a
TV4	12,9	12,9	34,7	35,1	286,1	287,4	67,5 ^a	68,3 ^a
TV5	13,1	12,7	35,0	38,2	276,4	285,4	55,2 ^{ab}	56,9 ^{ab}
LSD _{0,05}	1,88	1,96	6,76	6,99	15,14	18,99	11,18	11,00
CV (%)	8,7	9,0	10,8	11,5	3,3	4,0	11,2	10,9

Ghi chú: Số liệu trung bình của 3 điểm thí nghiệm. Các chữ giống nhau trong cùng một cột biểu thị sự sai khác không có ý nghĩa, các chữ khác nhau trong cùng một cột biểu thị sự sai khác có ý nghĩa.

Năng suất thực thu: Trong vụ Xuân 2017, các thời vụ khác nhau cho năng suất thực thu của giống LVN17 dao động từ 51,0 - 68,3 tạ/ha, trong đó thời vụ 3 (gieo 10/2) cho năng suất cao nhất, thấp nhất là thời vụ 1 (gieo 20/1) ở cả ba điểm nghiên cứu. Kết quả so sánh thống kê cho thấy thời vụ 3 và 4 (gieo 10/2 - 20/2) cho năng suất thực thu cao hơn chắc chắn thời vụ khác từ 13,1 - 17,3 tạ/ha, tương đương mức vượt 23,7 - 33,9% ở mức độ tin cậy 95%.

Vụ Xuân 2018, các thời vụ khác nhau cho năng suất thực thu của giống LVN17 tại 3 điểm nghiên cứu trung bình dao động từ 51,5 - 68,3 tạ/ha, trong đó thời vụ 3 (gieo 10/02) cho năng suất cao nhất (68,4 tạ/ha), thấp nhất là thời vụ 1 (gieo 20/01) ở cả ba điểm nghiên cứu. So sánh về mặt thống kê cho thấy, các thời vụ 3 và 4 (gieo 10/02 - 20/02) cho năng suất thực thu cao hơn chắc chắn thời vụ đối chứng (TV2) từ 13,1 - 13,7 tạ/ha, tương đương mức vượt 24,0 - 25,1% ở mức độ tin cậy 95%. Các thời vụ còn lại cho năng suất tương đương với thời vụ đối chứng ở cả ba điểm nghiên cứu.

Theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Chinh (2013) cho biết, với ngô xuân trồng tại huyện Bắc Mê và huyện Yên Minh tỉnh Hà Giang, để đảm bảo ngô cho năng suất > 70% năng suất tối đa với mức độ thành công > 80% thì vùng thấp (< 600 m) nên gieo

sau ngày 30/1 và vùng > 800m phải gieo sau ngày 20/2. Kết quả nghiên cứu với giống ngô LVN17 ở vụ Xuân năm 2017 - 2018 cho thấy, tại 3 vùng sinh thái khác nhau (huyện Văn Yên, Văn Chấn và Mù Cang Chải) các công thức thời vụ 3 và 4 (gieo ngày 10/2 và 20/2) cho năng suất thực thu cao, tương đương nhau và cao hơn thời vụ đối chứng chắc chắn từ 13,1 - 13,7 tạ/ha ở mức ý nghĩa 5%. Các công thức thời vụ còn lại cho năng suất thực thu thấp và tương đương với công thức đối chứng. Cùng nghiên cứu xác định thời vụ cho ngô, nhưng Nguyễn Đức Thuận đã chỉ ra với giống ngô lai NK73283 trồng tại 3 huyện Mai Sơn, Mường La và Yên Châu của tỉnh Sơn La nên gieo từ 20/04 đến 30/04 (Nguyễn Đức Thuận, 2020).

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Qua đánh giá trong vụ Xuân 2017 và 2018 tại 3 huyện của tỉnh Yên Bái, giống LVN17 khi gieo ở thời vụ 3 và 4 (gieo từ 10/02 đến 20/02) cây ngô sinh trưởng và phát triển tốt, có tỷ lệ sâu bệnh hại thấp và cho năng suất thực thu cao 67,5 - 68,3 tạ/ha. Kết quả nghiên cứu đã xác định được khung thời vụ thích hợp cho giống LVN17 trên đất ruộng bậc thang một vụ tại Yên Bái từ ngày 10/02 - 20/02 là phù hợp nhất.

4.2. Đề nghị

Kiến nghị người dân khi gieo trồng giống LVN17 trong vụ Xuân trên đất bậc thang một vụ tại Yên Bái nên gieo từ ngày 10/2 đến ngày 20/2.

Tiếp tục thử nghiệm kết quả của nghiên cứu trên toàn tỉnh Yên Bái để đánh giá khả năng mở rộng của giống ở các thời vụ khuyếch cáo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Văn Chinh, Nguyễn Văn Giang, Nguyễn Phúc Chung, 2015. Nghiên cứu tăng vụ trên đất trồng lúa tại huyện Bắc Mê tỉnh Hà Giang. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*, số 3: 86-94.

Nguyễn Đức Thuận, 2020. Kết quả nghiên cứu xác định thời vụ gieo trồng thích hợp cho sản xuất ngô ở tỉnh Sơn La. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, số 7: 123-126.

Nguyễn Văn Tuất, Nguyễn Văn Việt, 2013. Kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ giai đoạn 2011 - 2013 và định hướng ưu tiên đến 2020 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. *Hội thảo Quốc gia về khoa học cây trồng lần thứ nhất*: 35-39.

Niên giám thống kê tỉnh Yên Bái, 2019. Nhà xuất bản Thống kê.

QCVN 01-56: 2011/BNNPTNT, 2011. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống ngô: 11 trang.

Determination of optimum sowing time in spring season for hybrid maize variety LVN17 in one - crop terrace lands in Yen Bai province

Nguyen Van Chinh, Luu Ngoc Quyen

Abstract

LVN17 is a hybrid maize variety bred by the Maize Research Institute. The experiments were carried out in the Spring 2017 and Spring 2018 in three districts of Van Chan, Van Yen and Mu Cang Chai, Yen Bai province to evaluate the effects of different sowing time on the growth, development and yield of LVN17 variety in order to develop suitable technical cultivation measures for LVN17 variety in Northern Mountainous Midland region in general and in Yen Bai province in particular. The experiment was arranged in a completely randomized block design (CRBD) with 5 different sowing formulas and 3 replications. The results showed that LVN17 variety sown from 10th - 20th February had short growth duration, from 117 to 118 days, good resistance to pests and diseases, and high real yield (6.75 - 6.93 tons ha⁻¹). It is suggested that the most suitable time to sow LVN17 variety in the Spring in Yen Bai province is from 10th - 20th February.

Keywords: Maize, hybrid maize variety LVN17, sowing time, one-crop land

Ngày nhận bài: 28/01/2021

Ngày phản biện: 18/02/2021

Người phản biện: TS. Vương Huy Minh

Ngày duyệt đăng: 30/3/2021

XÁC ĐỊNH KHOẢNG CÁCH GIEO TRỒNG, LIỀU LƯỢNG VÀ LOẠI PHÂN ĐẠM THÍCH HỢP CHO GIỐNG NGÔ SINH KHỐI ĐH17-5 TẠI NINH THUẬN

Đào Thị Hằng^{1,2}, Phan Công Kiên¹, Trần Văn Thịnh², Nguyễn Văn Sơn¹, Trịnh Thị Vân Anh¹, Lê Minh Khoa¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm xác định khoảng cách gieo trồng, liều lượng và loại phân đạm thích hợp cho giống ngô sinh khối ĐH17-5 đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao trên nền đất lúa không chủ động nước tại Ninh Thuận. Thí nghiệm 1 được trồng vụ Xuân Hè 2020, đơn yếu tố ở 5 khoảng cách khác nhau: 70 × 30 cm, 70 × 25 cm (đối chứng), 70 × 20 cm, 70 × 15 cm, 70 × 10 cm. Thí nghiệm 2 được trồng ở vụ Hè Thu 2020 và bố trí theo kiểu lô chính, lô phụ; lô chính là hai loại phân đạm urê và SA, lô phụ là năm liều lượng đạm: 100 kg, 130 kg, 160 kg (đối chứng), 190 kg và 220 kg N/ha. Kết quả cho thấy, xác định công thức 70 × 15 cm là khoảng cách tối ưu nhất cho năng suất sinh khối tươi 52,4 tấn/ha; năng suất chất khô 18,3 tấn/ha; lợi nhuận 30,68 triệu đồng/ha và tỷ suất lợi nhuận 77,78 (%). Giống ngô ĐH17-5

¹ Viện Nghiên cứu Bông và Phát triển Nông nghiệp Nha Hồ

² Khoa Nông học - Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh